

XXV. PHẠM SỢ HẢI PHẠM TỘI (ĀPATTIBHAYAVAGGA)

I. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghabhedakasutta*)²⁸³ (A. II. 239)

243. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

- Này Ānanda, sự tranh chấp ấy đã được chấm dứt chưa?
- Từ đâu, bạch Thế Tôn, sự tranh chấp ấy sẽ chấm dứt được? Bāhiya, vị đồng trú với Tôn giả Anuruddha hoàn toàn đứng về phía phá hòa hợp Tăng. Do vậy, Tôn giả Anuruddha nghĩ rằng không nên nói một lời nào.
- Này Ānanda, có khi nào Anuruddha lại can thiệp²⁸⁴ vào những vấn đề tranh chấp giữa chúng Tăng? Phải chăng, này Ānanda, khi nào có vấn đề tranh chấp gì khởi lên, chính hai vị Sāriputta và Moggallāna làm chấm dứt tất cả tranh chấp ấy?

Này Ānanda, do thấy bốn lợi ích này, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ānanda, kẻ ác Tỷ-kheo, do theo ác giới, theo ác pháp không trong sạch, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu,²⁸⁵ không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đồng rác nhơ bẩn. Vị ấy nghĩ như sau: “Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đồng rác nhơ bẩn; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ,²⁸⁶ họ sẽ không làm hại được ta.” Này Ānanda, do thấy lợi ích thứ nhất này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo có tà kiến, thành tựu với chấp thủ biên kiến.²⁸⁷ Vị ấy nghĩ như sau: “Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có ác tri kiến, chấp thủ biên kiến; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm

²⁸³ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Offence*, nghĩa là *Phạm tội*.

²⁸⁴ *Yuñjati*: Can thiệp, giải hòa. AA. III. 215: *Voyuñjatīti anuyuñjati anuyogaṃ āpajjati* (“Can thiệp vào” có nghĩa là dự vào, tham dự một cách nhiệt tình).

²⁸⁵ Xem S. IV. 181; Ud. 52.

²⁸⁶ *Vaggā* trái với *samaggā*.

²⁸⁷ *Antaggāhikāya ditthiyā*. Xem A. I. 154.

hại được ta.” Nay Ānanda, do thấy lợi ích thứ hai này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, nay Ānanda, ác Tỷ-kheo có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta.” Nay Ānanda, do thấy lợi ích thứ ba này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, nay Ānanda, ác Tỷ-kheo tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị khinh miệt. Vị ấy suy nghĩ như sau: “Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị khinh miệt; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta.” Nay Ānanda, do thấy lợi ích thứ tư này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Do thấy bốn lợi ích này, nay Ānanda, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

II. KINH SỢ HẢI PHẠM TỘI (*Āpattibhayasutta*) (A. II. 240)

244. Nay các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hải phạm tội này. Thế nào là bốn?

Ví như, nay các Tỷ-kheo, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho nhà vua và thưa: “Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn.” Vua ấy nói như sau: “Các ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.” Những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Tại đây, có một người đứng một bên²⁸⁸ suy nghĩ như sau: “Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quả trách, đáng bị chém đầu. Vì rằng những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quả trách, đáng bị chém đầu.”²⁸⁹ Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tướng sợ hải sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp, tội Ba-la-di (*Pārājikā*) được chờ đợi như sau về vị ấy:

²⁸⁸ AA. III. 216: *Thalaṭṭhassāti ekamante ṭhitassa* (“Đứng trên đất bằng” nghĩa là đứng một bên).

²⁸⁹ Ví dụ này được nói đến ở S. II. 100, 128; IV. 343.

Nếu không phạm tội thời không rơi vào tội Ba-la-di; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp Ba-la-di.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: “Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị đánh hèo (*assāham*). Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.” Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: “Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quả trách, đáng bị đánh hèo. Vì rằng, người ấy đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị đánh hèo. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.’ Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quả trách, đáng bị đánh hèo.” Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tướng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp Tăng tàn (*Saṅghādisesa*), được chờ đợi như sau về vị ấy: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội Tăng tàn; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Tăng tàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn²⁹⁰ đi đến trước đại chúng và nói như sau: “Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị hình phạt. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.” Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: “Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quả trách, đáng bị hình phạt. Vì rằng người này đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn, đi đến trước đại chúng và nói như sau: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị hình phạt. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.’ Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp như vậy, đáng bị quả trách, đáng bị hình phạt.” Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tướng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp Ba-dật-đề (*Pācittiya*) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào tội Ba-dật-đề; nếu phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Ba-dật-đề.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: “Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị phê bình. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.” Tại đấy, một người đứng một bên suy nghĩ như sau: “Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quả trách, đáng bị phê bình. Vì rằng người này mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quả trách, đáng bị phê bình.

²⁹⁰ *Bhassaputaṃ* = *Assaputaṃ*. Xem D. I. 98 viết *bhassaputena vadhitvā*, nghĩa là giết người ấy với cái bị tro. Thật sự, *assaputaṃ* nghĩa là phạt người ấy bằng cách tàn xuất, do vậy người ấy cần phải mang đồ ăn mà đi. *Chú giải* cũng giải thích là cái bị tro. Có thể chữ *assa* từ chữ *assu* như đã giải thích và nên dịch như vậy. Hay dịch chữ *assaputaṃ* là miếng vải của người ấy, chữ *putaṃ* có nghĩa là miếng vải. Đặt miếng vải trên vai để tỏ sự khiêm nhường. Xem GS. II. 247.

Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.’ Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp như vậy, đáng bị quả trách, đáng bị phê bình.” Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tướng sợ hãi sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp Cần phải phát lộ (*Pāṭidesanīya*) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội Cần phải phát lộ; nếu phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp Cần phải phát lộ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi phạm tội này.

III. KINH LỢI ÍCH HỌC TẬP (*Sikkhānisamsasutta*) (A. II. 243)

245. Phạm hạnh này được sống, được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lợi ích học tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai có lòng tin được tăng trưởng lòng tin; do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy, là người sở hành không bị bể vụn, sở hành không bị cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn; do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy là người sở hành không có bể vụn, sở hành không có cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của học tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ vô thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt khổ đau một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt khổ đau một cách hoàn toàn; do vậy, các pháp ấy được trí tuệ quán sát một cách đồng đẳng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là trí tuệ vô thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát kiên cố?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn; do vậy, các pháp ấy được khéo cảm xúc với giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là giải thoát kiên cố.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm tăng thượng?

Với tư tưởng: “Ta sẽ làm viên mãn học pháp thắng hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp thắng hạnh chưa được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ

kia với trí tuệ”; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: “Ta sẽ làm viên mãn học pháp sở hành Phạm hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp sở hành Phạm hạnh được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ”; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: “Ta sẽ quán sát đồng đẳng với trí tuệ pháp chưa được đồng đẳng quán sát; hay nếu pháp đã được đồng đẳng quán sát, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ”; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: “Ta sẽ cảm xúc với giải thoát, pháp chưa được cảm xúc; hay nếu pháp đã được cảm xúc, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ”; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là niệm tăng thượng.

Phạm hạnh này được sống, này các Tỷ-kheo, để được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy.

IV. KINH CÁCH NẪM (*Seyyāsutta*) (A. II. 244)

246. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn? Cách nằm của ngựa quý, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm con sư tử, cách nằm của Như Lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của ngựa quý?

Này các Tỷ-kheo, phần lớn các ngựa quý nằm ngửa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của ngựa quý.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng?

Và này các Tỷ-kheo, phần lớn người hưởng thọ các dục vọng nằm phía bên trái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của kẻ hưởng thọ các dục vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm con sư tử?

Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, nằm về phía hông bên mặt, hai chân gác lên nhau và cuộn cái đuôi vào giữa hai bắp vế; khi thức dậy, nó duỗi ra phía thân trước, rồi nó ngó lui ra phía thân sau. Này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào đặt sai chỗ hay lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, không được hoan hỷ. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào không đặt sai chỗ hay không lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, được hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm con sư tử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này.

V. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC DỰNG THÁP (*Thūpārahasutta*) (A. II. 245)

247. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này xứng đáng được dựng tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được

dựng tháp; vị Độc Giác Phật xứng đáng được dựng tháp; đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp; Chuyển Luân Vương xứng đáng được dựng tháp.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng được dựng tháp.

VI. KINH TRÍ TUỆ TĂNG TRƯỞNG (*Paññāvuddhisutta*) (A. II. 245)

248. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân, lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp tùy pháp.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng.

VII. KINH GIÚP ÍCH NHIỀU (*Bahukārasutta*) (A. II. 245)

249. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân, nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp tùy pháp.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người.

VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamavohārasutta*) (A. II. 246)

250. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn? Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói cảm giác, không thức tri nói thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

IX. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (*Dutiyavohārasutta*) (A. II. 246)

251. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn? Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không thức tri nói không thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.

X. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ BA (*Tatiyavohārasutta*) (A. II. 246)

252. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn? Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, cảm giác nói không cảm giác, tưởng tri nói không tưởng tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

XI. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ TƯ (*Catutthavohārasutta*) (A. II. 246)

253. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn? Thấy nói thấy, nghe nói nghe, cảm giác nói cảm giác, thức tri nói thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.